

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2022/DS-ST

Ngày 11-8-2022

“V/v tranh chấp hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Len

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Tới

2. Ông Huỳnh Văn Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 178/2022/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hồ Mỹ L, sinh năm 1956; Cư trú: Ấp 2, xã K, huyện T, tỉnh C (Có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1959; Cư trú: Ấp 12B, xã K, huyện T, tỉnh C. (xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2022 và quá trình giải quyết vụ án bà Hồ Mỹ L trình bày:

Vào ngày 18/7/2019 bà N có mở dây hội loại hội 1.000.000 đồng, có 36 phần, một tháng khai một lần. Bà tham gia 01 phần, bà đóng hội đến ngày 22/02/2020 bà N tuyên bố đình hội.

Vào ngày 08/9/2019 bà N có mở dây hội tuần loại hội 200.000 đồng, có 36 phần, một tuần khai một lần. Bà có tham gia 02 phần, bà đóng hội đến ngày 22/02/2020 bà N tuyên bố đình hội.

Vào ngày 05/10/2019 bà N có mở dây hội tuần loại hội 200.000 đồng, có 40 phần, một tuần khai một lần. Bà có tham gia 02 phần, bà đóng hội đến ngày 22/02/2020 bà N tuyên bố đình hội.

Tổng cộng số tiền bà đóng hội cho bà N 17.000.000 đồng, bà yêu cầu bà N trả cho bà tiền hội thiếu 17.000.000 đồng.

Tại văn bản tự khai ngày 02/8/2022 của bà Nguyễn Thị Tuyết N trình bày: Bà thừa nhận có mở các dây hội và bà L tham gia hội như bà L trình bày là đúng. Bà

đồng ý trả bà L tiền hội thiếu 17.000.000 đồng, do điều kiện đi lại khó khăn bà đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà tại phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu bà N trả cho bà tiền hội thiếu 17.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng:

[1] Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hồ Mỹ L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N trả tiền hội, bị đơn có nơi cư tại huyện Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự là tranh chấp hội và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị Tuyết N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà N là đúng quy định.

- Về nội dung:

[3] Bà Hồ Mỹ L trình bày có tham gia các dây hội do bà N làm chủ hội cụ thể: Hội mở ngày 18/7/2019 loại hội 1.000.000 đồng, có 36 phần, một tháng khui một lần, bà tham gia một phần; Hội mở ngày 08/9/2019 hội tuần loại hội 200.000 đồng, có 36 phần, một tuần khui một lần, bà tham gia 02 phần; Hội mở ngày 05/10/2019 hội tuần loại hội 200.000 đồng, có 40 phần, một tuần khui một lần, bà tham gia 02 phần, hiện tại các dây hội trên đã đình hội ngày 22/02/2020, số tiền hội bà đã đóng cho bà N 17.000.000 đồng, bà N thừa nhận có làm chủ hội mở hội và thiếu tiền hội như bà L trình bày là đúng đây là tình tiết, sự kiện pháp lý không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc bà N có mở hội và bà L tham gia hội thực tế có xảy ra được các bên thừa nhận. Các dây hội bà L tham gia hiện tại bà L vẫn chưa hốt, bà L đã đóng đầy đủ hội cho bà N, hiện tại do hội đã đình thì bà N phải có trách nhiệm trả lại số tiền bà L đã đóng cho bà N 17.000.000 đồng. Do đó bà L khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền hội thiếu 17.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp Điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hội, biểu, phường được chấp nhận.

[5] Án phí sơ thẩm có giá ngạch: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L nên bà N phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch 850.000 đồng. Bà N là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí, do đó bà N được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 16, 24 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biên, phường và khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của bà Hồ Mỹ L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết N trả tiền hui.

Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết N trả cho bà Hồ Mỹ L số tiền 17.000.000 đồng
(Mười bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N không tự nguyện thi hành xong thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Tuyết N được miễn.

Bà Hồ Mỹ L không phải chịu án phí sơ thẩm, ngày 14/6/2022 bà L đã dự nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số tiền 300.000 đồng tại biên lai thu số 0004974 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được nhận lại.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Án xử sơ thẩm, bà Hồ Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Tuyết N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án卷.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Len

